TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 háng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Lê Cù S, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 03 tháng 12 năm 2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (bà T) trình bày:*

Bà T và ông S chung sống với nhau như vợ chồng năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh B vào ngày 30 tháng 8 năm 2006.

Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc nên bà T quyết định làm đơn ly hôn với ông S.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoàng Q, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2007 và Lê Bích T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2011. Bà T yêu cầu và thống nhất với ý kiến của ông S là bà trực tiếp nuôi con chung tên Lê Bích T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2011, ông S trực tiếp nuôi con chung tên Lê Hoàng Q, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2007. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Ý kiến của bị đơn thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 22 tháng 4 năm 2019, các tài liệu chứng cứ thể hiện trong quá trình tố tụng ông S trình bày:***

Ông S thống nhất với lời trình bày của bà T về quá trình chung sống và có đăng ký kết hôn. Trước yêu cầu ly hôn của bà T, ông S không đồng ý vì ông S còn thương vợ thương con. Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra ông Sinh không có yêu cầu, tranh chấp gì khác. Ông S xin vắng mặt.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn xin vắng mặt đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện ông S về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông S hiện đang cư trú tại ấp G, xã T, huyện D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Trăm và ông S chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh B vào ngày 30 tháng 8 năm 2006. Vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng hay xảy ra gây cải và bà T bị ông S đánh. Vì vậy, bà T làm đơn xin ly hôn với ông S.

Bà T xin ly hôn ông S. Ông S cho rằng ông còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trước yêu cầu xin ly hôn của bà T, ông S không có giải pháp gì giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng và xin vắng mặt; ông S bỏ mặc cho kết quả hôn nhân của ông và bà T. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai bên. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông S không đạt được những điều đó. Từ kết quả xác minh tại ấp G, xã T thể hiện mâu thuẫn của ông S, bà T đã kéo dài từ năm 2017 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng bà T, ông S đã trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà T và ông S có 02 con chung tên Lê Hoàng Q, sinh ngày 23 thánh 01 năm 2007 và Lê Bích T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2011. Bà T trực tiếp nuôi con chung tên Lê Bích T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2011, ông S trực tiếp nuôi con chung tên Lê Hoàng Q, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2007. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án đã lấy ý kiến của cháu T thì cháu T mong muốn sống với mẹ (bà T); còn cháu Q thì muốn sống cùng cha (ông S). Các đương sự thống nhất việc nuôi con và không bên nào cấp dưỡng là phù hợp các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trăm phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T đối với ông Lê Cù S về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T ly hôn với ông Lê Cù S.

+ Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Bích T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2011.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu ông Lê Cù S cấp dưỡng nuôi con.

Giao cho ông Lê Cù S trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng Q, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2007.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Cù S không yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích T cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012762 ngày 07 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15 tháng 5 năm 2019). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Anh Tuấn